TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HN-ST
Ngày: 31/5/2023.
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Lê Thị Huyền Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mai Hồng**

2. Ông **Lê Anh Khoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Lam Điền** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 94/2023/TLST–HNST ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc "*tranh chấp ly hôn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 334/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **N.T.N.L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: 102/1 Lê Anh Xuân, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- ***Bị đơn:*** Ông **N.V.T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 56/3 Lê Anh Xuân, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Bà và ông N.V.T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2006 tại UBND xã Long Phú, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống

chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.V.T.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là N.T.M.N (nữ) sinh ngày 22/12/2006. Khi ly hôn bà đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu Ngọc, yêu cầu ông N.V.T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

***Bị đơn trình bày**:*

Ông thống nhất lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân nhưng ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ với bà L để cùng chăm sóc con.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là N.T.M.N (nữ) sinh ngày 22/12/2006. Nếu ly hôn ông đồng ý để cháu N tự chọn muốn sống với cha hay với mẹ, nếu cháu N muốn ở với mẹ thì ông đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà N.T.N.L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà N.T.N.L và ông N.V.T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà L có đơn yêu cầu ly hôn với ông T. Bị đơn ông N.V.T có địa chỉ tại phường Thới Bình, quận Ninh Kiều nên vụ kiện được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ kiện. Do đó, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bà N.T.N.L và ông N.V.T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian

chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông N.V.T. Về phía ông T không đồng ý ly hôn với bà L nhưng không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông bà đã sống ly hôn được 01 năm nay. Mặt khác, khi Toà án triệu tập ông T để xét xử ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do cho thấy ông không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà L, đời sống hôn nhân không còn đem lại hạnh phúc cho các bên. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà N.T.N.L là có cơ sở để chấp nhận.

[5] *Về con chung*: ông bà có 01 con chung là cháu N.T.M.N (nữ), sinh ngày 22/12/2006. Hiện nay cháu M đang sống chung với bà L, cháu vẫn đang đi học và được bà L chăm sóc tốt. Mặt khác, trong bản tự khai ngày 18/4/2023 ông T có ý kiến để cháu M.N tự quyết định sống chung với cha hay với mẹ, và trong bản tự khai ngày 23/5/2023 cháu M.N có mong muốn được tiếp tục ở với mẹ, cháu N là con gái nên để đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý, không làm thay đổi môi trường sinh hoạt của cháu, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu N.T.M.N cho bà N.T.N.L trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng*: bà L yêu cầu ông N.V.T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, tuy vắng mặt tại phiên toà nhưng tại phiên hoà giải ngày 18/4/2023 ông T cũng đồng ý với yêu cầu này. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] *Về tài sản chung, nợ chung*: Do các bên khai nhận không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[8] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật. Bị đơn chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.T.N.L đối với ông N.V.T.

- Về con chung: giao cháu N.T.M.N (nữ), sinh ngày 22/12/2006 cho bà N.T.N.L trực tiếp nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N.V.T không ai được quyền ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng: ông N.V.T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu N.T.M.N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên khai nhận không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí: Nguyên đơn bà N.T.N.L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000704 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí (Đương sự đã nộp xong). Bị đơn ông N.V.T phải chịu 150.000đồng án phí cấp dưỡng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Hồng **Lê Anh Khoa** **Lê Thị Huyền Trang**